

SĐC

114

BÙI THANH PHONG

Bình Phước và con đường tôi đã chọn

HỒI KÝ



BÌNH PHƯỚC VÀ CON ĐƯỜNG TÔI ĐÃ CHỌN

Lời cảm ơn

Chân thành cảm ơn:

Tỉnh ủy Bình Phước đã tạo điều kiện cho tôi thực hiện cuốn hồi ký.

Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Bình Phước đã tích cực hỗ trợ tôi để cuốn hồi ký trở thành hiện thực.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Bình Phước, Trung tâm Lưu trữ thuộc Văn phòng Tỉnh ủy Bình Phước và một số cơ quan lưu trữ, lịch sử đã tích cực giúp đỡ tôi về tư liệu.

Nhà báo Trần Phương - người giúp tôi thể hiện cuốn hồi ký.

Người thân, đồng chí, bạn bè... đã tích cực động viên, hỗ trợ tôi trong quá trình thực hiện cuốn hồi ký.

Bình Phước, tháng 11-2017

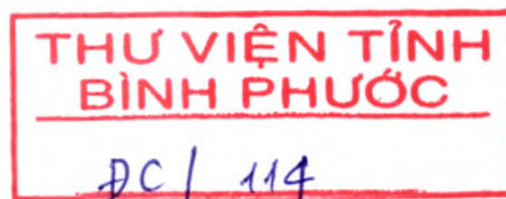
Bùi Thanh Phong

B 312 PH
BÙI THANH PHONG

Kính tặng
Thơ

BÌNH PHƯỚC VÀ CON ĐƯỜNG TÔI ĐÃ CHỌN

*Hồi ký của đồng chí Bùi Thanh Phong,
nguyên Bí thư Tỉnh ủy Bình Phước*



Bình Phước, tháng 11 năm 2017



Đồng chí Bùi Thanh Phong (bên phải) nhận lễ chúc mừng từ đồng chí Nguyễn Minh Triết tại lễ ra Ban chấp hành Đảng bộ hai tỉnh Bình Dương và Bình Phước (1-1-1997)

Lời tựa

Đồng chí Bùi Thanh Phong - Bí thư Tỉnh ủy đầu tiên của Bình Phước sau ngày tái lập tỉnh năm 1997, tên khai sinh là Bùi Trung Cường, tên gọi thân mật là Năm Phong. Sinh ra, lớn lên ở quê hương đồng khởi Bến Tre nhưng sau khi nghe một buổi nói chuyện của nữ tướng Nguyễn Thị Định, cuộc đời cách mạng của đồng chí đã gắn bó với mảnh đất Bình Phước. Năm 1961, khi vừa bước sang tuổi 22, từ Bến Tre đồng chí vượt sông, vượt rừng lên Bình Long. Bám trụ ở Chơn Thành 15 năm kháng chiến chống Mỹ, sau giải phóng công tác ở Bình Long, ra Hà Nội học, trở lại Bình Long, về Tỉnh ủy Sông Bé 5 năm, năm 1997 lại trở về Bình Phước cho đến khi nghỉ hưu - quá trình công tác của đồng chí gắn với những chuyến đi và thường phải sống xa gia đình, xa người thân. Bị địch bắt tra tấn dã man, bao lần vào sinh ra tử, được giao nhiều nhiệm vụ khác nhau, cho đến khi trở thành người lãnh đạo cao nhất của tỉnh, đồng chí luôn giữ khí tiết, phẩm chất của một người cộng sản.

“Bình Phước và con đường tôi đã chọn” - cuốn hồi ký kể về quá trình rèn luyện, chiến đấu của đồng chí Bùi Thanh Phong; là những ngày tháng đồng cam cộng khổ với Đảng bộ, chính quyền, cán bộ và nhân dân Bình Phước trong thời điểm bộn bề khó khăn; là suy nghĩ, trách

nhiệm, tình cảm của người đứng đầu tỉnh với mong muốn Bình Phước phát triển ngày một mạnh mẽ. Cuốn hồi ký cũng kể về kỷ niệm riêng của Bí thư Tỉnh ủy Bùi Thanh Phong với đồng chí, đồng đội đã hy sinh, về các sự kiện lịch sử chính trị - xã hội của Bình Phước trong thời điểm chuẩn bị tách và những năm đầu sau khi tái lập tỉnh...

Được thực hiện trong khoảng thời gian ngắn, cuốn hồi ký chưa phản ánh đầy đủ cuộc sống cũng như quá trình hoạt động cách mạng phong phú của đồng chí Bùi Thanh Phong, song “Bình Phước và con đường tôi đã chọn” với những câu chuyện sinh động, ngắn gọn, phản ánh tương đối đầy đủ các dấu mốc quan trọng của cá nhân đồng chí Bùi Thanh Phong gắn với quê hương Bình Phước thân yêu sẽ cung cấp cho bạn đọc những thông tin thú vị, bổ ích.

Xin giới thiệu cùng bạn đọc!

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	5
Chương 1: Quê hương Đồng Khởi	9
Chương 2: Từ khi có ánh sáng chân lý	27
Chương 3: Mỗi bước ta đi...	58
Chương 4: Trên mảnh đất hòa bình	97
Chương 5: Bình Phước ngày mới	115
Chương 6: Tự hào về Bình Phước hôm nay	168
Ngôi nhà nhỏ của tôi	183

Chương 1:

QUÊ HƯƠNG ĐỒNG KHỞI

Bóng dừa soi nước sông Hàm Luông

Tôi sinh ra và lớn lên ở huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Như mọi người con đất Việt, từ khi lọt lòng mẹ, quê hương đã vun đắp, nuôi dưỡng tâm hồn tôi. Trải qua bao năm tham gia cách mạng, lao động, công tác, dù đi đâu, ở đâu, ở cương vị nào, quê hương cũng luôn là những ký ức đẹp đẽ, là chỗ dựa vững chắc, là động lực để tôi vượt qua mọi khó khăn, thử thách của cuộc đời. Khi tôi còn nhỏ, gia đình chạy giặc qua nhiều xã ở Giồng Trôm, sau trụ lại ở xã Bình Hòa. Xã Bình Hòa ở giữa huyện Giồng Trôm và giáp với thị trấn huyện lỵ bây giờ.

Giồng Trôm ở khoảng giữa cù lao Bảo - là một trong 3 cù lao lớn nhất của Bến Tre, gồm một phần của các huyện Ba Tri, Châu Thành, Giồng Trôm và thành phố Bến Tre ngày nay. Huyện Giồng Trôm phía bắc là sông Ba Lai, bên kia sông là huyện Bình Đại; phía nam là sông Hàm Luông, bên kia sông là hai huyện Mỏ Cày và Thạnh Phú; phía đông giáp huyện Ba Tri; phía tây giáp thành

phố Bến Tre và huyện Châu Thành. Sông Hàm Luông có tên gốc là Hàm Long, nhưng dưới thời phong kiến nhà Nguyễn, do “ky húy”, để tránh chữ “Long” là rồng, tượng trưng cho vua, nên nhân dân gọi chệch là “Luông”, lâu ngày thành quen.

Địa danh Giồng Trôm quê tôi được hình thành theo đặc điểm của đất cọng với tên thực vật - một con giồng có cây trôm mọc - giống như các địa danh Giồng Tre, Giồng Mít, Giồng Dứa... Giồng Trôm có hai con sông lớn Ba Lai và Hàm Luông bao bọc, đất đai phì nhiêu, sông rạch chằng chịt... Xuất hiện ở Bến Tre từ lâu, nhưng ở góc độ hành chính, so với các huyện khác trong tỉnh như Ba Tri, Mỏ Cày, Châu Thành... huyện Giồng Trôm ra đời muộn hơn. Ngày 22-10-1956, theo Sắc lệnh số 143 của Tổng thống Việt Nam cộng hòa, cùng với chủ trương đổi tên tỉnh Bến Tre thành tỉnh Kiến Hòa, chính quyền Sài Gòn chia lại địa giới quận và lập thêm một số quận mới, trong đó có quận Giồng Trôm. Năm 1959, Tỉnh ủy Bến Tre ra quyết định lập huyện Giồng Trôm để kịp thời ứng phó với địch.

Sông Hàm Luông chảy trọn vẹn trên đất Bến Tre, là ranh giới tự nhiên giữa cù lao Bảo và cù lao Minh. Sông dài 70km, rộng trung bình từ 1.200 đến 1.500m, đoạn gần cửa biển rộng đến hơn 3.000m. Vì thế, sông Hàm Luông có lưu lượng nước dồi dào nhất so với các sông khác ở tỉnh Bến Tre, góp phần tạo nên sự trù phú của cả một

vùng, gồm các huyện Chợ Lách, Châu Thành, Mỹ Cày, Thạnh Phú, Giồng Trôm, Ba Tri và thành phố Bến Tre. Trên sông có những cù lao hoặc cồn đất nổi tiếng như cù lao Tiên Long, cù lao Thanh Tân, cù lao Lãng, cù lao Ốc, cù lao Lá, cù lao Đất, cồn Hố, cồn Lợi...

Tuổi thơ của tôi gắn liền với các kênh rạch bắt nguồn từ con sông Hàm Luông ấy. In đậm trong tâm trí tôi cũng là những cánh đồng lúa mênh mông. Những cơn gió mát lộng cùng điệu hò trên mũi thuyền len lỏi qua các con lạch, nhánh sông rất đổi thanh bình. Những lần lội mương bắt cá hay cùng lũ trẻ trong xóm đu lá dừa nhẩy xuống kênh tắm giữa trưa hè. Những bóng dừa trải dài, những con kênh, con sông dịu hiền, êm ái, cần mẫn, chở che đã theo tôi đến suốt cuộc đời sau này.

Bến Tre nổi tiếng là “xứ dừa” với bạt ngàn những rừng dừa. Được tạo thành bởi ba dãy cù lao, gồm cù lao Minh, cù lao Bảo và cù lao An Hóa. Bến Tre như hòn đảo ngọc trù phú được bao bọc bởi sông nước, ẩn trong mình những nét quyến rũ say đắm tình đất, tình người. Những hàng dừa xanh thắm, nhìn xa xa như những cô gái đang ngồi chải tóc, tựa như câu hát: “Ai đứng như bóng dừa tóc dài bay trong gió. Có phải người còn đó là con gái của Bến Tre. Con gái của Bến Tre năm xưa đi trong đàn lửa, đi như nước lũ tràn về...” của nhạc sĩ Nguyễn Văn Tý. Bến Tre là đoạn cuối sông Cửu Long với sông nước mênh mông, những dòng sông hiền hòa

chở nặng phù sa ngày ngày bồi đắp cho thêm trù phú. Làng quê tôi tuyệt đẹp và bình dị, có nhiều lễ hội mang sắc thái văn hóa đặc trưng riêng như lễ hội Nghinh Ông, các lễ hội truyền thống của vùng sông nước. Bến Tre cũng có các làng nghề thủ công truyền thống với lịch sử hình thành và phát triển cả thế kỷ, như làng nghề cây giống hoa kiểng Cái Mơn ở huyện Chợ Lách, làng nghề bánh tráng Mỹ Lồng, bánh phồng Sơn Đốc ở Giồng Trôm, làng nghề sản xuất kẹo dừa, làng nghề dệt chiếu, làng nghề chỉ sơ dừa... Sông nước Bến Tre trữ tình và thơ mộng, con người Bến Tre thì hiền hòa, luôn nở nụ cười thân thiện và mang nét đẹp đặc trưng của miền Tây sông nước. Những điệu hò, những câu vọng cổ đậm tình quê của người con gái Bến Tre trong hàng dừa nước, những bông bần trắng tím là đà mặt nước đung đưa trong gió tạo nên một vẻ đẹp đậm tình đất, tình người.

Quê hương tôi đẹp biết bao... Nhưng ký ức của tôi về quê hương không chỉ có những vẻ đẹp bất tận ấy mà còn là những ký ức của đau thương, mất mát khi người thân và đồng bào bị đàn áp. Là ký ức xóm làng bị giặc Pháp, rồi giặc Mỹ và những “chúa đất” giày xéo... Đó là ký ức về những thủ đoạn cướp vườn, cướp đất, cho vay nặng lãi, hà hiếp đánh đập, vu khống, bóc lột nông dân nghèo của những địa chủ như bà Ba Ngõi (Lê Thị Nghĩa), cai tổng Tường (Châu Văn Tường), huyện Muôn (Trần Văn Muôn), hội đồng Phẩm, hội đồng Cát...

Tôi cũng lớn lên với những câu chuyện của ngoại, của cha kể về truyền thống quê hương mình. Đó là những câu chuyện in đậm trong tâm trí tôi về truyền thống yêu nước nông nân đã hun thục người dân Bến Tre, người dân Giồng Trôm đứng lên kháng chiến. Khi thực dân xâm lược tràn về, nhân dân Bến Tre cũng như cả nước phải chịu cảnh “một cổ nhiều tròng”. Từ năm 1861, vùng đất Giồng Trôm đã góp cho cuộc chiến đấu chống ngoại xâm buổi đầu người con ưu tú Lãnh binh Nguyễn Ngọc Thăng. Năm năm chiến đấu gian lao trong nghĩa quân của Bình Tây Đại nguyên soái Trương Định, ông luôn là một chỉ huy can trường, có lý tưởng yêu nước nông nân cho đến phút hy sinh. Ký ức của tôi còn là những câu chuyện về hàng loạt cuộc nổi dậy khác của người con ưu tú Trương Tấn Chí gắn liền với trận đánh giáp lá cà ở xã Tân Hòa trong buổi đầu giặc chiếm đóng, của Tấn Kế gắn liền với cuộc khởi nghĩa ở vùng Ba Châu, Phong Mỹ, Phong Năm năm 1875. Giồng Trôm quê tôi cũng là quê hương của nhà thơ yêu nước nổi tiếng thế kỷ XIX Phan Văn Trị, huyện Ba Tri, bên cạnh là nơi nhà thơ yêu nước nổi tiếng Nguyễn Đình Chiểu sinh sống 26 năm cuối của cuộc đời cũng trong thế kỷ XIX với bao kiệt tác văn học hun đúc nên ý chí của người dân Bến Tre...

Phẩm chất của nhân dân Giồng Trôm quê tôi bộc lộ rõ rệt nhất trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ. Do vị trí đặc biệt đối với chiến trường tỉnh Bến Tre, Giồng Trôm đã hứng chịu gần như

tất cả hậu quả của các cuộc thí nghiệm về chiến lược và chiến thuật, về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù, từ chính sách đàn áp, khủng bố tàn bạo đến chính sách bao vây, phong tỏa đến chiến tranh hủy diệt sự sống bằng pháo đài hay B.52 và chất độc hóa học. Những cuộc thảm sát đẫm máu ở Cầu Hòa, Tân Hòa Đông, Long Mỹ, Bình Hòa, Thanh Phú Đông, Lương Hòa của thời Léon Leroy trong kháng chiến chống Pháp, cũng như việc lê máy chém đi khắp nơi trong các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, tra khảo, giết chóc man rợ thời Ngô Đình Diệm...

Đình Bình Hòa ở xã Bình Hòa quê tôi là một trong 20 ngôi đình lớn và đẹp nhất của tỉnh Bến Tre, là ngôi đình cổ nhất ở cù lao Bảo. Đình được lập vào thập kỷ thứ 2, thế kỷ XIX, đến nay gần 200 năm. Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, đình trở thành chứng tích ghi nhớ những tội ác đội quân của Léon Leroy. Trong kháng chiến chống Mỹ, thực hiện chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” man rợ, Mỹ - Diệm ban đầu dụ dỗ cán bộ kháng chiến ra trình diện. Nhưng được sự chỉ đạo thống nhất của Tỉnh ủy Bến Tre nên cán bộ của ta không ai ra. Tháng 4-1958, một tiểu đoàn “công an Ngô Quyền” của Mỹ - Diệm từ Sài Gòn về Bến Tre. Chúng đóng tại thị xã Bến Tre một đại đội, tại Giồng Trôm một đại đội, tại Mỏ Cày một đại đội. Chúng hầu hết là dân công giáo di cư và là người Nùng. Chúng phối hợp với công an địa phương bắt cán bộ, đảng viên theo danh sách đã nắm, bắt thân nhân cán bộ đi tập kết và đang hoạt động bí mật đem về đình

Hội Yên ở Mỏ Cày, đình Bình Hòa ở Giồng Trôm, đình Phước Tuy ở Ba Tri, đình Thới Lai ở Bình Đại. Tại mỗi đình, chúng giam giữ hơn 200 người rồi đánh đập, bắt tố cộng, ly khai cộng sản. Tại đình Bình Hòa, hàng chục cán bộ, đảng viên, đoàn viên nông cốt của ta bị chúng tra tấn dã man đến chết.

Thế nhưng, càng đàn áp càng không thể làm cho người dân Giồng Trôm nhụt chí. Ngay trong những thời điểm gay go nhất, trước sức đánh phá khốc liệt nhất, Giồng Trôm vẫn là nơi đặt căn cứ của tỉnh Bến Tre và của một số huyện khác. Những địa danh như cù lao Lá (Châu Bình), cù lao Dung (Châu Hòa), Thuận Điền, Hiệp Hưng... đã đi vào lịch sử của huyện, của tỉnh Bến Tre, không những được nhiều người biết đến trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp 9 năm, mà còn là căn cứ địa vững chắc của thời chống Mỹ. Người Giồng Trôm chứng minh truyền thống yêu nước, bất khuất của ông cha đã được thế hệ con cháu kế thừa một cách đáng tự hào. Chỉ riêng hai cuộc chiến tranh chống thực dân Pháp và chống đế quốc Mỹ, Giồng Trôm đã hiến dâng cho đất nước 6.319 liệt sĩ và 1.313 thương binh. Giồng Trôm là nơi sản sinh ra nhiều tướng lĩnh trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Trong đó có nhiều vị tướng lĩnh danh tiếng như tướng Đồng Văn Cống, nữ tướng Nguyễn Thị Định, Đại tướng Lê Văn Dũng, tướng Võ Viết Thanh, tướng Nguyễn Hữu Vị, tướng Trần Minh Tích, tướng Trần

Văn Nhiên, tướng Võ Khắc Sương, tướng Nguyễn Văn Ngai, tướng Nguyễn Hoàng, tướng Hồ Quốc Việt...

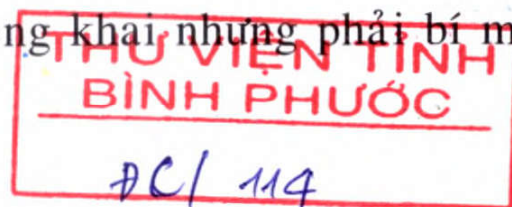
Tuổi thơ của tôi cũng lớn lên với ký ức bao lần chạy giặc. Cách mạng Tháng Tám năm 1945, tôi còn thơ ấu chưa biết gì. Lúc đó hơn 5 tuổi, chỉ nhớ đợt cướp chính quyền thấy cha mẹ, anh em, bà con kêu “Việt Minh”. Tôi cùng đám nhỏ trong xóm không biết “Việt Minh”, nên rủ nhau đi coi xem là “cái gì”. Chúng tôi kéo nhau đi tìm. Tìm hoài mấy bữa thì tới một khu đất trống trải, rộng rãi như một cái sân banh, ngay trong làng. Hầu hết thanh niên trong làng đang ở đó. Các chú, các anh đang tập luyện. Người thì tập bắn cung, người làm thợ mộc. Khi đó lũ trẻ chúng tôi không hiểu việc các chú, các anh đang làm. Chỉ thấy đông người, thấy tập luyện vui vẻ nên đi coi.

Thế rồi sau đó giặc Pháp vô đàn áp. Các anh, các chú nhiều người bị chúng giết, bị chúng xử bắn. Lũ trẻ chúng tôi sợ hãi, không dám ra khỏi nhà, cha mẹ cũng không cho đi. Bọn Pháp rà đi soát lại, lục lọi khắp nơi. Nhiều gia đình lúc đó thấy người ta chạy tản cư thì cũng chạy, cũng bỏ nhà đi. Cha mẹ tôi bỗng bế cả gia đình chạy 30km từ Bình Hòa đến Châu Bình, là vùng giặc không chiếm được. Cha mẹ tôi thuê ruộng đi làm để kiếm sống. Đây là vùng giải phóng, thanh niên yêu nước đi bộ đội hết, dân quân du kích thì canh giữ, rồi làm rào chiến đấu, lập trường học, làm đường sá. Nhà nghèo

nhưng tôi cũng được cha mẹ cho đi học. Tôi được học ở trường làng nhưng nay đây mai đó theo chân cha mẹ nên cũng nghỉ học sớm sau khi xong lớp “đệ nhất” - tương đương hết bậc tiểu học bây giờ. Tôi còn nhỏ nên ở cùng cha mẹ làm ruộng, làm vườn. Khi đó tôi nghe cha mẹ, các chú, các anh thường nói đến “Việt Minh”, dần lớn lên tôi được giải thích “Việt Minh là cách mạng”. Tôi không hiểu rõ, chỉ nghĩ Việt Minh chống lại bọn cường hào đàn áp nhân dân, chống lại những kẻ đã khiến gia đình tôi phải chạy giặc hết nơi này đến nơi khác. Khi gia đình quay về xã Bình Hòa, tôi đi theo và làm việc cho các chú, các anh Việt Minh trong xã. Ai giao việc gì làm việc đó nhưng cũng không được là bao vì còn quá nhỏ. Rồi tôi được chú Mười Ri và một số cán bộ nằm vùng hướng dẫn hoạt động. Khoảng từ 13-14 tuổi, tôi làm giao liên, bắt đầu làm nhiệm vụ tập hợp thanh thiếu niên trong xã. Tôi được chỉ dạy cách hoạt động bí mật, được dặn dò không để bị bắt, nếu bị bắt có bị đánh cũng không khai làm gì, làm cho ai, vì càng khai càng bị đánh. Chúng tôi thành lập đội văn nghệ, thể dục thể thao để vui chơi nhưng mục đích nhằm tập hợp thanh thiếu niên. Văn nghệ, thể dục thể thao danh nghĩa được công khai nhưng phải bí mật không để chúng biết.

Con lớn rồi sẽ hiểu

Sau khi Hiệp định Genève ký kết năm 1954, gia đình tôi “chia năm xẻ bảy”. Nhà có 4 anh em trai chia làm 3 ngả. Anh Hai sinh năm 1933 có gia đình riêng, hoạt



động bí mật ở trong xã. Anh Ba sinh năm 1935 tập kết ra Bắc. Anh Tư sinh năm 1937 còn độc thân vào căn cứ cách mạng. Tôi sinh năm 1939, ở cùng cha mẹ. Ngày anh Ba có quyết định ra Bắc tập kết, cha mẹ tôi nửa vui nửa buồn. Vui vì con được ra với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, buồn vì phải chia ly người con trai chưa biết khi nào mới gặp lại. Lúc đó chủ trương của cách mạng ai hoạt động công khai hoặc đã bị lộ thì tập kết ra Bắc, ai còn trong vòng bí mật ở lại làm cơ sở. Tôi khi đó muốn được tập kết ra Bắc cùng anh Ba lắm, nhưng các anh trong tổ chức đoàn thanh niên của xã nói còn phải phụ giúp cha mẹ và hoạt động ở nhà cũng là làm cách mạng, nên tôi ở lại.

Khi đó tôi đã có nhận thức, đặc biệt là ý thức được những kẻ đàn áp, bóc lột ở ngay trước mắt mình. Nhưng trong tâm trí gia đình tôi lúc đó Hiệp định Genève như một cánh cửa mở ra chân trời mới nên cũng nguôi ngoai phần nào. Cả gia đình tôi đều có niềm tin 2 năm nữa, sau khi tổng tuyển cử trong cả nước thì sẽ được đoàn tụ... Thế nhưng điều đó đã không xảy ra.

Lúc này tôi đã hiểu trước đây giặc Pháp xâm lược, bị ta đánh đuổi, đòi lại độc lập tự do. Ở vùng tạm chiếm, tôi hiểu điều gì đang xảy ra, không bị mắc mưu giặc chiêu hồi. Gia đình tôi liên tục di tản cư đến vùng giải phóng, rồi lại bị tạm chiếm, rồi đến vùng giải phóng... Chạy giặc riết không làm ăn được gì, nghèo càng nghèo hơn. Cha tôi lúc đó lại bị bệnh, đem đi nhà thương Chợ Rẫy chữa không hết. Hai con mắt của ông bị đau nên không thấy

đường, chỉ làm việc xung quanh nhà. Mẹ tôi buôn bán hàng ngày để kiếm sống, tôi làm 2 mẫu ruộng thuê.

Sau Hiệp định Gienève năm 1954, chúng tôi được tổ chức cho học tập nội dung của hiệp định, quan điểm và đường lối mới của cách mạng. Trên lý thuyết, Hiệp định Gienève đã kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp của đế quốc Mỹ đối với ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia. Khi đó chúng ta thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản quy định về đình chiến, tập kết chuyển quân và chuyển giao khu vực. Nhưng thực dân Pháp chỉ thực hiện khi có đấu tranh mạnh mẽ và kiên quyết của nhân dân ta. Miền Bắc hoàn toàn giải phóng. Ở miền Nam, thực dân Pháp có những hành động phá hoại hiệp định. Quân Pháp rút khỏi miền Nam Việt Nam khi còn nhiều điều khoản hiệp định chưa được thi hành, trong đó có điều khoản về việc tổ chức hiệp thương tổng tuyển cử hai miền Bắc - Nam. Pháp trút bỏ trách nhiệm thi hành hiệp định cho Mỹ - Diệm.

Chúng tôi được quán triệt rất rõ ràng: Sau Hiệp định Gienève, phần lớn lực lượng quân đội, cán bộ, đảng viên miền Nam ra tập kết tại miền Bắc. Thời điểm đó so sánh lực lượng ở miền Nam không có lợi cho ta. Nghị quyết Hội nghị Bộ Chính trị tháng 9-1954 chỉ đạo cuộc đấu tranh của nhân dân miền Nam phải từ hình thức đấu tranh vũ trang chuyển sang đấu tranh chính trị. Nhiệm vụ trước mắt của nhân dân miền Nam là đấu tranh thực hiện đình chiến, củng cố hòa bình, đòi các quyền tự do dân chủ, cải thiện

dân sinh, thực hiện thống nhất tranh thủ độc lập, bảo vệ những thành quả quân chúng đã giành được trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp. Cán bộ, đảng viên ở miền Nam nhanh chóng rút vào hoạt động bí mật. Những cán bộ bị lộ được điều sang các địa phương khác hoặc tạm ngừng hoạt động để che giấu lực lượng. Các tổ chức quân chúng công khai được xây dựng ở cả nông thôn và thành thị... Theo phương hướng chỉ đạo đó, từ tháng 8, tháng 9-1954, chúng tôi đã tổ chức quân chúng mít tinh, mừng hòa bình, biểu tình đòi địch không được trả thù những người kháng chiến cũ... Sau khi ra tuyên bố nêu rõ tôn chỉ, mục đích đấu tranh cho hòa bình, chúng tôi đấu tranh đòi quyền tự do dân chủ được bảo đảm, yêu cầu nước Việt Nam được thống nhất bằng tổng tuyển cử tự do trong cả nước. Thanh thế của phong trào ngày càng rộng lớn, ở khắp các trường học, khu dân cư.

Khi được quán triệt quan điểm chặt chẽ không đấu tranh vũ trang mà chỉ đấu tranh chính trị, cộng với thanh thế của phong trào ngày một lên cao, thật sự lúc đó tôi cũng như anh em đồng đội, đồng chí có niềm tin rất lớn sau 2 năm sẽ tổ chức tổng tuyển cử, đất nước sẽ thống nhất. Tổng tuyển cử chúng ta chắc chắn sẽ thắng vì nhân dân đứng về phía chúng ta. Niềm tin của mình vậy nhưng không ngờ Mỹ - Diệm đã phá hoại hiệp định Giơnevơ.

Ngày 7-7-1954, Mỹ ép Pháp đưa Ngô Đình Diệm (người của Mỹ) thay Bửu Lộc (người của Pháp) lên làm Thủ tướng chính phủ bù nhìn miền Nam Việt Nam. Chính

quyền Ngô Đình Diệm, với sự giúp đỡ và chỉ đạo của Mỹ, đã từ chối hiệp thương với Chính phủ Việt Nam dân chủ cộng hòa về việc tổ chức tổng tuyển cử tự do trong cả nước. Sau khi thiết lập quyền kiểm soát trên toàn bộ miền Nam, từ tháng 5-1955 đến tháng 5-1956, Mỹ - Diệm phát động chiến dịch “tố cộng” giai đoạn 1, gọi là giai đoạn mở rộng để gây xáo trộn và phát hiện “cộng sản”. Chính quyền Ngô Đình Diệm cho thành lập phủ đặc ủy công dân vụ và hội đồng chỉ đạo tố cộng vào tháng 3-1955. Trên cơ sở tăng cường bộ máy đàn áp, Mỹ - ngụy liên tiếp tổ chức các chiến dịch khủng bố, tàn sát lực lượng yêu nước. Chúng đã huy động gần như toàn bộ lực lượng cảnh sát, mật vụ và một bộ phận quân đội. Chúng nêu khẩu hiệu “Tiêu diệt cán bộ nằm vùng”, “Tiêu diệt cộng sản tận gốc”, “Thà giết nhầm còn hơn bỏ sót”... nhằm kích động quân đội, cảnh sát và những tên tay sai ác ôn điên cuồng đánh phá cơ sở cách mạng, giết hại những người tán thành đấu tranh thống nhất đất nước. Chúng gây ra các vụ thảm sát dã man ở nhiều nơi.

Chúng chia nhân dân ra làm ba loại: Gia đình loại A là những gia đình kháng chiến cũ, gia đình có người tham gia tập kết, những người yêu nước, thiết tha với hòa bình, độc lập, thống nhất mà chúng gọi chung là “Việt cộng”. Chúng coi đây là những “gia đình bất hợp pháp”, trước nhà phải treo biển đỏ cộng sản. Những người trong gia đình loại này thường xuyên bị theo dõi và quản chế gắt gao, bị tra khảo đánh đập tàn nhẫn và phải tuyên bố ly

khai cộng sản. Gia đình loại B là những gia đình có liên hệ họ hàng thân thuộc với loại A hay có mối liên hệ nhất định với cách mạng, được liệt vào danh sách “gia đình nửa hợp pháp”, trước nhà phải treo biển vàng “thân cộng”. Những người trong gia đình loại này hằng tháng phải làm tờ cam kết ly khai cộng sản, thường xuyên tập trung đi lao động khổ sai. Gia đình loại C gồm những người “không liên quan đến cộng sản” hoặc là vây cánh hậu thuẫn cho chính quyền Ngô Đình Diệm. Đây là những “gia đình hợp pháp” trước nhà treo biển xanh. Chính quyền Ngô Đình Diệm có những chính sách ưu đãi đặc biệt đối với những gia đình loại này.

Phương châm của chúng là “dựa vào loại C, đánh vào loại A, làm cho loại B khiếp sợ và khuất phục”. Chúng ép buộc người vợ có chồng tập kết phải ly khai chồng, lấy chồng quốc gia. Chúng lừa mị cán bộ cách mạng. Chúng đặt giải thưởng cho tay chân lấy được vợ và con cán bộ, vợ cán bộ tập kết. Chúng buộc các gia đình cách mạng phải vào ở xung quanh đồn bót. Buộc những gia đình kháng chiến cũ phải ra trình diện nhận giấy “cán bộ hồi chánh”. Chúng bắt mỗi gia đình phải chụp chung một tấm hình, khai rõ họ tên, tuổi, nghề nghiệp treo trước cửa nhà. Chúng lập ra tổ chức “ngũ gia liên bảo”, cột 5 đến 7 gia đình phải chịu trách nhiệm kiểm soát lẫn nhau, không cho “cộng sản” đến ăn, ở trong nhà. Những gia đình loại C được chính quyền Diệm tin cậy cử xuống từng địa bàn, phối hợp với chính

quyền cơ sở tiến hành các đợt “tố cộng”. Những người thuộc các gia đình loại A và loại B bị bắt dồn về các trại tập trung để học tập “tố cộng” trong thời gian từ 1 đến 6 tháng, có nơi chúng làm đi làm lại nhiều lần không kể thời gian.

Khi đó trưởng ấp là người xếp loại gia đình A, B, C. Trưởng ấp là chỗ quen biết nên rất rõ gia đình tôi có người đi tập kết ngoài Bắc, các anh tôi cũng tham gia cách mạng. Nhưng tình làng nghĩa xóm, hơn nữa các trưởng ấp khi ấy cũng sợ cách mạng nên nhà tôi chỉ bị xếp loại B. Nhiều trường hợp cũng như vậy. Chúng chỉ xếp vào loại “tình nghi” chứ chưa đến mức áp bức, đối đầu đến cùng. Cha mẹ, anh em tôi bị chúng kìm kẹp dữ lắm nhưng vẫn chưa đến mức bị chúng dồn vào đường cùng như nhiều gia đình khác.

Thời gian này tôi đã lớn, cảm nhận mãnh liệt sự tàn bạo của Mỹ - Diệm. Một buổi tối trăng sáng vàng vạc cuối năm 1958, cha gọi tôi tới ngồi nói chuyện với ông trước hiên nhà. Ông nói:

- Anh Ba con đã đi tập kết. Anh Hai vào căn cứ cách mạng. Anh Tư cũng theo cách mạng. Bây giờ ở giữa cách mạng với quốc gia, con chỉ có thể chọn một. Một là đi theo cách mạng, hai là đi theo quốc gia. Đi theo cách mạng là đi theo anh Hai, anh Ba, anh Tư. Đi theo quốc gia thì phải cầm súng chống lại các anh con. Con chọn lựa như thế nào thì cho ba biết để ba liệu!

Tôi biết cha tôi biết rõ tôi đi theo cách mạng lâu nay. Nhưng sự đàn áp dã man, nhiều đồng đội, cấp trên của tôi bị Mỹ - Diệm sát hại, trong xã cũng có người không chịu được tra tấn hoặc dụ dỗ nên đã theo chúng... nên cha lo lắng tôi dao động. Tôi cảm nhận rõ sự lo lắng ấy khi ông để ý đến hành động của tôi nhiều hơn. Vì thế, khi ông gọi tôi ngồi nói chuyện, lòng tôi dạt dào cảm xúc khi nghĩ cha muốn tôi có một lời khẳng định sự trung nghĩa. Ý chí và tình cảm của tôi đã đặt trọn theo cách mạng từ những ngày còn thơ ấu. Những hình ảnh về “Việt Minh” vẫn còn sâu đậm trong tâm trí tôi. Từ năm 1955, tôi đã làm tổ trưởng tổ bảo vệ cán bộ, đầu năm 1958 tôi đã là Bí thư Chi đoàn thanh niên lao động xã Bình Hòa. Vì thế tôi đã trả lời ngay rằng:

- Thưa ba! Con đã đi theo truyền thống quê hương, dòng tộc, gia đình. Con không bao giờ từ bỏ con đường đó. Có chết con cũng theo cách mạng.

Đôi mắt cha tôi gần như đã mù lòa, lại hay bị đau nên ông rất đồng cảm và thích đọc thơ văn của Nguyễn Đình Chiểu - nhà thơ yêu nước lớn nhất miền Nam cuối thế kỷ XIX, người gốc Huế, sinh ra và lớn lên tại Gia Định, sau đó không chịu sống trong vùng Pháp chiếm đóng, ông về làng An Đức, tổng Bảo An, tỉnh Vĩnh Long, nay là xã An Đức, huyện Ba Tri, giáp ranh với huyện Giồng Trôm, để sinh sống, sáng tác và dạy học. Khi nghe tôi dứt khoát trả lời như vậy, mắt cha tôi vốn khô khốc, đã thấm đẫm.

Ông đọc lại một số câu thơ, bài thơ của Nguyễn Đình Chiểu mà ông thường đọc cho tôi nghe ngày còn nhỏ với lời dặn “con lớn sẽ hiểu” khi xưa:

*“Thà đui mà giữ đạo nhà
Còn hơn có mắt ông cha không thờ
Dầu đui mà khỏi danh nhơ
Còn hơn có mắt ăn dơ tanh rình
Dầu đui mà đặng trọn mình
Còn hơn có mắt đổi hình tóc râu
Sang chi theo thói tha cầu
Dọc ngang chẳng đoái trên đầu có ai
Sáng chi dăm sắc tham tài
Lung lòng nhân dục mang tai họa trời
Sáng chi sàm nịnh theo đòi
Nay vinh mai nhục mang lời thị phi
Sáng chi nhân nghĩa bỏ đi
Thảo ngay chẳng biết, lỗi ngừ thiên luân
Thấy rồi muôn việc trong trần
Xin còn hai chữ “tâm thần” ở ta”.*

(Bài thơ “**Thà đui**” của Nguyễn Đình Chiểu)

Tan chợ vừa nghe tiếng súng Tây

Một bàn cờ thế phút sa tay

Bỏ nhà lũ trẻ lơ xơ chạy

Mất ổ bầy chim dáo dác bay

Bến Nghé của tiền tan bọt nước

Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây

Hỏi trang dẹp loạn rày đâu vắng

Nỡ để dân đen mắc nạn này?

(Bài thơ “**Chạy Tây**” của Nguyễn Đình Chiểu)

Đọc một lượt, sau mỗi bài hoặc sau một vài câu, ông ngừng nghỉ như suy tư một lát, cũng để tôi ghi nhớ, rồi mới đọc tiếp. Đọc xong, nghỉ một chút. Không gian tĩnh mịch. Cha tôi nói:

- Đây là lần sau cùng ba đọc con nghe. Ba tin rằng đến giờ con đã hiểu hết ý nghĩa những câu thơ ấy. Con hãy lấy đó làm ngọn đèn soi sáng cho con đường mà con sẽ đi.

Nói rồi ông vào nhà, còn tôi một mình ngồi trước hiên. Đêm đó, cha tôi đi ngủ trong tâm trạng rất vui. Còn tôi lại mông lung với những lời dặn của ông đến rất khuya mới chìm vào giấc ngủ say nồng của buổi đầu tuổi thanh xuân.

Chương 2:

TỪ KHI CÓ ÁNH SÁNG CHÂN LÝ

Tuổi 20 đứng dưới cờ Đảng

Sau đêm nói chuyện với cha, tôi tham gia hoạt động hăng hái hơn, nhiều hơn. Tôi tích cực bí mật đi rải truyền đơn, rồi học và tuyên truyền đường lối cách mạng. Bất chấp hiểm nguy, tôi cùng các đồng chí trong tổ chức đoàn thanh niên của xã Bình Hòa không lùi bước trước mọi thủ đoạn của Mỹ - Diệm lúc đó. Chúng tôi vẫn tổ chức thường xuyên các lớp học tuyên truyền về cách mạng ở các thôn, ấp trong xã... Chúng tôi hoạt động trong thế “cài răng lược” với địch, tranh thủ vận động từng nhà, từng người.

Lúc đó, ai ở miền Nam cũng biết chúng tôi phải đối chọi với cả một hệ thống chính quyền từ trên xuống dưới, từ trung ương, các bộ, xuống tỉnh, xuống huyện, xã, ấp của địch. Đó là một hệ thống chính quyền dày đặc. Từng thám báo, liên gia, mật vụ... thành lập theo hệ thống mật báo. Nó công khai hệ thống đó. Lúc đó, các tổ chức, đoàn

thể của mình, “nam phụ lão ấu” đều bị chúng kìm kẹp ghê gớm. Chúng cũng có “thanh niên cộng hòa”, “phụ nữ cộng hòa”... Hệ thống cảnh sát dày đặc. Chúng tuyên bố tất cả những ai “dính đến cộng sản” đều bị bắt, bị xử. Chúng nói là làm, giết thật chứ không nói chơi. Thực tế nhân dân cũng có trường hợp bị kìm kẹp dữ quá không chịu nổi. Có một số anh em cũng nhất gan chịu không được thì đầu hàng, phản bội... Nhưng tựu chung hầu hết anh em chấp nhận hy sinh để bảo vệ tổ chức, bảo vệ cách mạng.

Trong hai năm đấu tranh yêu cầu tổng tuyển cử, chúng tôi nghiên cứu, trao đổi dữ lắm. Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn nhưng chúng tôi tìm biện pháp đấu tranh sao cho không sai điều lệ, cương lĩnh, đường lối của Đảng, của cấp trên mà đạt hiệu quả. Quan điểm không đấu tranh vũ trang, phải tổ chức đấu tranh chính trị hợp pháp với chúng được quán triệt rất rõ ràng... Lúc đó tôi phụ trách công tác đoàn thanh niên lao động xã Bình Hòa, đang trong giai đoạn cảm tình Đảng, hoạt động cùng với bí thư chi đoàn một số xã khác, các tổ chức thanh niên. Chúng tôi tổ chức rải truyền đơn, biểu ngữ. Các ngày lễ như Ngày thành lập Đảng 3-2, Ngày quốc tế lao động 1-5, Ngày quốc khánh 2-9, Ngày sinh nhật Bác Hồ 19-5... chúng tôi tuyên truyền, đấu tranh mạnh hơn. Cứ mỗi đợt như vậy, chúng lại tràn tới, bắt giết, đàn áp.

Ngày 30-11-1959, tròn 20 tuổi, tôi vinh dự được kết nạp đảng. Lúc đó tôi cũng chững chạc rồi. Được đứng

vào hàng ngũ của đảng là một sự tự hào rất to lớn, song đó cũng là lúc tôi ý thức trách nhiệm của mình, của một người đảng viên lớn hơn rất nhiều. Buổi lễ kết nạp diễn ra tại địa Thiên, ở ấp 6, xã Bình Hòa, ngay giữa lòng địch tạm chiếm. Tôi được thông báo đến đúng địa điểm, ngày giờ... để thực hiện lễ. Trước đó các anh trong tổ chức đã đi khảo sát rất kỹ địa bàn để bảo đảm an toàn. Tôi đi ghe, trên ghe có lưới và cần câu để giả làm người đánh cá. Dự lễ và tổ chức kết nạp đảng cho tôi là anh Tám Thường, Ủy viên Ban thường vụ Huyện ủy Giồng Trôm; anh Sáu Hậu, Huyện ủy viên Giồng Trôm cùng hai đảng viên giới thiệu, bảo đảm cho tôi là anh Tiến và anh Quang, sinh hoạt tại Đảng bộ xã Bình Hòa. Buổi lễ diễn ra ở giữa địa nhưng được tổ chức rất trang trọng, bài bản, đúng nghi thức như kết nạp hiện nay. Khi đọc lời tuyên thệ, tôi xúc động lắm, có lúc muốn nghẹn lại. Hình ảnh lá cờ Tổ quốc đã in đậm trong tâm trí tôi. Lúc ấy rất hiếm khi được nhìn thấy lá cờ Tổ quốc. Việc may và cất giấu cờ cùng các tài liệu cực kỳ bí mật. Tất cả được cho vào một thùng đại liên rồi chôn giấu rất kỹ. Các hoạt động đều đơn tuyến, anh em rất kiên cường, thà hy sinh chứ không bao giờ để lộ bí mật này.

Sau khi được kết nạp, tôi sinh hoạt tại Đảng bộ xã Bình Hòa. Anh Út Thảo, Huyện ủy viên Giồng Trôm phụ trách công tác đoàn thể là người trực tiếp phụ trách tôi. Lúc này, tôi đã được học tập, rèn luyện, giáo dục bài bản.

Ý thức đấu tranh tốt hơn nhiều. Được đứng trong hàng ngũ của đảng là một sự khích lệ, động viên to lớn đối với tôi. Tôi tiếp tục được giao làm Bí thư đoàn thanh niên lao động xã Bình Hòa. Tôi tổ chức đoàn thanh niên xã hoạt động rộng rãi hơn, phong trào ngày một lớn mạnh. Đoàn thanh niên xã thường xuyên rải truyền đơn, địch không kiểm soát được. Tôi cùng anh em thanh niên thường xuyên thảo luận làm thế nào để giữ cho được tổ chức hoạt động ngày một mạnh, làm nòng cốt trong đấu tranh. Cũng thời điểm này, yêu cầu thành lập các đội vũ trang và trang bị vũ khí cho đội vũ trang của ta cũng rất cấp bách.

Cuối năm 1959, cơ sở của chúng tôi gài trong lòng địch có người trong đội bảo an - là anh Chặt ở trong đội dân vệ Bình Thành và anh Tiên ở Bình Chánh, nay thuộc xã Bình Thành, huyện Giồng Trôm. Có cơ sở, chúng tôi muốn vô đánh các bót bảo an này. Móc nối được liên lạc nhưng chúng tôi lại không có súng. Lúc đó, anh Sáu Hậu, Huyện ủy viên Giồng Trôm, nói với tôi:

- Năm Phong, giờ mình tay không mà đi vô được không?

- Không được đâu anh Sáu, phải có một vài cây súng. Nhưng bây giờ kiếm súng ở đâu?

Nghe tôi nói vậy, anh Sáu Hậu mới nói:

- Bây giờ nói thiệt với Năm Phong, chúng ta phải vượt qua Tiền Giang gặp Sáu Huấn, phụ trách công an của Tiền Giang. Bên Tiền Giang còn giữ được nhiều vũ khí.

Chúng tôi thống nhất thực hiện phương án đó. Tôi với anh Sáu Hậu vượt sông Tiền qua Tiền Giang mượn được 3 khẩu súng (1 khẩu Thompson, còn gọi là tôm sông; 2 khẩu súng trường) mang về hoạt động. Từ mấy khẩu súng này, cộng với có cơ sở ở trong, chúng tôi đánh lấy được bót Bình Chánh thu được thêm 6-7 cây súng, lấy được bót Bình Thành thu 6-7 cây nữa.

Từ số súng này, chúng tôi trang bị cho đội vũ trang huyện Giồng Trôm, thành lập được 1 trung đội mười mấy cây súng, hoạt động theo nguyên tắc “tổ tam tam” (tổ bí mật 3 người, có 1 người phụ trách, hoạt động theo nguyên tắc một người chỉ biết 3 người, gồm 2 người cấp dưới trong tổ mình và 1 người cấp trên, phân cấp trên - dưới chặt chẽ), mỗi đội được trang bị 1 cây súng, còn lại các đội tự trang bị. Quyết tâm của chúng tôi rất kiên cường bám trụ để xây dựng lực lượng vũ trang. Lực lượng vũ trang hoạt động rất tích cực, ngày đêm tập hợp thanh niên tuyên truyền để rút thanh niên vô xây dựng lực lượng. Bọn tề ấp bị cảnh cáo giải tán để tụi nó không làm tay sai nữa, số ít ngoan cố có lệnh là tụi tôi bắt cải tạo.

Lòng son trong song sắt

Ngày 20-7-1956, Ngô Đình Diệm công khai tuyên bố không thi hành Hiệp định Giơnevơ, ban hành quốc sách “tố cộng”, “diệt cộng” trên toàn miền Nam. Tháng 8-1956, Ngô Đình Diệm tiến hành chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng” giai đoạn 2 với khẩu hiệu “Tiêu diệt nội tuyến,

diệt trừ nội tâm, đập lên oán thù để thực hiện dân chủ nhân vị quốc gia”, “Giết nhầm còn hơn bỏ sót”. Trong chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, Mỹ - Diệm huy động lực lượng quân đội, cảnh sát, bảo an, dân vệ càn quét, đánh phá dữ dội ở cả nông thôn, thành thị và các khu căn cứ. Các gia đình kháng chiến cũ, gia đình có người đi tập kết là đối tượng chủ yếu của “tố cộng”. Chúng dùng mọi thủ đoạn tra tấn cực hình kết hợp với thủ đoạn thâm hiểm để buộc người dân nói xấu cách mạng, thừa nhận chúng và từ bỏ cách mạng...

Sau các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, số lượng nhà tù, trại giam của chế độ Mỹ - Diệm không ngừng tăng nhanh nhưng vẫn không đủ chỗ giam giữ. Chúng xây dựng hệ thống “chuồng cọp” ở khắp nơi. Chúng tổ chức các “lớp học”, bắt mọi người phải tự khai nhận về hoạt động của bản thân, phải tố giác cả người thân của mình. Những người bị tố giác chúng bắt phải tự nhận là “Việt cộng” hoặc cài lại để hoạt động phá hoại. Những người không “nhận tội” thì sẽ bị tra tấn ngay tại chỗ, tại lớp học hay trong các phòng thẩm vấn hoặc có thể bị thủ tiêu. Để uy hiếp tinh thần những người bị bắt đến học tập và gây hoang mang sợ hãi trong quần chúng, chúng đưa một số tên đầu hàng phản bội cách mạng ra tố cáo, xuyên tạc chủ trương, đường lối cách mạng, xé cờ Đảng và ảnh Bác Hồ. Chúng cho đặt những thùng thư “trưng cầu dân ý” ngay trong lớp học “tố cộng” và cho tay chân bí mật bỏ thư tố giác một vài người có mặt

rồi mang họ ra tra tấn công khai. Nhằm gây nghi ngờ trong nội bộ và mất lòng tin của quần chúng đối với cách mạng, chúng ép những người bị bắt phải ăn, ngủ và mặc theo chúng, mang súng không có đạn, dẫn lính đi lùng sục tìm kiếm cán bộ và cơ sở bí mật của ta...

Trên toàn miền Nam lúc này, cuộc đấu tranh của nhân dân ta trải qua những năm tháng vô cùng khó khăn, ác liệt. Trước sức đánh phá của chúng qua nhiều đợt “tố cộng”, “diệt cộng”, cách mạng miền Nam đã chịu những tổn thất nặng nề chưa từng có. Sau này, tôi được thông tin đầy đủ về những tổn thất trong 4 năm từ 1955 đến 1958, ở Nam bộ có khoảng 7 vạn cán bộ, đảng viên bị địch giết; gần 90 vạn cán bộ, nhân dân bị bắt và tù đầy; gần 20 vạn người bị tra tấn thành tàn tật, chỉ còn 5.000 so với 60.000 đảng viên trước đó. Tỉnh Bến Tre quê tôi chỉ còn 162 đảng viên; Tiền Giang còn 92 đảng viên; Gia Định, Biên Hòa, mỗi nơi chỉ còn một chi bộ đảng...

Đến hạn hai năm theo hiệp định, tháng 7-1956, Diệm tuyên bố “Sẽ không có hiệp thương tổng tuyển cử, vì chúng ta không ký Hiệp định Gienève, bất cứ phương diện nào chúng ta cũng không bị ràng buộc bởi hiệp định đó”. Diệm đã phá hoại việc thống nhất Việt Nam. Cùng với sự giúp đỡ dưới hình thức viện trợ quân sự, chính trị, kinh tế, miền Nam Việt Nam được xây dựng thành căn cứ quân sự, cơ sở kinh tế thực dân kiểu mới của Mỹ. Ngô Đình Diệm sau đó bộc lộ rõ là một kẻ “bán nước cầu

vinh” khi tháng 5-1957 tuyên bố tại Washington “Biên giới Hoa Kỳ kéo dài đến vĩ tuyến 17”.

Thực tiễn đấu tranh lúc đó cho thấy không thể đấu tranh chính trị đơn thuần được nữa, mà phải dùng bạo lực cách mạng. Anh em đồng đội bị đàn áp, hy sinh nhiều lắm. Chúng tôi muốn “đánh” lắm nhưng không được đánh. Tôi đấu tranh ngay trong chính bản thân mình là chấp hành triệt để mệnh lệnh của cấp trên hay quyết “sống chết” với địch? Rất nhiều lần chúng tôi nghiên cứu, trao đổi nhằm tìm ra cách giải quyết nhưng rất khó khăn. Yêu cầu của cách mạng cũng như nguyện vọng của chúng tôi lúc này là chuyển sang hình thức đấu tranh cao hơn.

Cuối năm 1956, chúng tôi được phổ biến chủ trương theo đường lối mới. Đó là nhiệm vụ của cách mạng miền Nam là trực tiếp đánh đổ chính quyền độc tài quân phiệt gia đình trị Ngô Đình Diệm, tay sai của Mỹ. Chủ trương mới này chúng tôi như được “cởi trói” vậy. Bao đồn nén bị đàn áp, cơ sở cách mạng bị Mỹ - Diệm đánh phá đã thôi thúc chúng tôi vùng lên mạnh mẽ. Từ đó, những cuộc đấu tranh chống địch khủng bố, chống trả thù những người kháng chiến cũ, chống “tố cộng”, “diệt cộng”; chống cướp đất, đuổi nhà... diễn ra dai dẳng, quyết liệt ở khắp nơi. Bên cạnh đấu tranh chính trị, phong trào đấu tranh vũ trang tự vệ, trừ gian, diệt ác cũng bắt đầu phát triển. Các đơn vị vũ trang tập trung được xây dựng ở nhiều nơi. Việc trừ gian, diệt ác trở thành một hình thức đấu tranh quan

trọng để giữ vững phong trào, bảo vệ cơ sở cách mạng.

Trước sự phát triển mạnh mẽ phong trào đấu tranh đó, Mỹ - Diệm điên cuồng khủng bố. Tháng 5-1957, Ngô Đình Diệm ban hành đạo luật “đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật”. Không khí khủng bố, chết chóc bao trùm khắp nơi. Cán bộ, đảng viên và quần chúng bị săn lùng ráo riết. Mỹ - Diệm tiếp tục đẩy mạnh các chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, dồn dân lập “khu dinh điền”, “khu trù mật”. Các cuộc đánh phá, khủng bố của chính quyền Diệm đối với nhân dân đến đỉnh cao về mức độ khốc liệt và man rợ. Tháng 3-1959, Diệm tuyên bố đặt miền Nam trong tình trạng chiến tranh. Tháng 5-1959, chúng ban hành luật tố cộng “10/59”; thiết lập ba tòa án quân sự đặc biệt để công khai chém giết đồng bào ta. Miền Nam trở thành một địa ngục ngút ngát, quyền sống của con người bị chà đạp một cách trắng trợn. Nhân dân miền Nam bị đẩy vào cảnh khốn cùng.

Trong đấu tranh với chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”, ở Giồng Trôm quê tôi đã lưu truyền rất nhiều câu chuyện cảm động, nói lên tinh thần và ý chí của nhân dân. Mẹ Trần Thị Kế bị địch bắt tra tấn buộc phải khai báo chỗ ở của chồng, con. Trước khi bị đánh đập đến chết, mẹ đã chỉ vào ngực mình và thét lớn vào mặt kẻ thù: “Chồng con tao ở trong trái tim tao, tụi bay muốn kiếm thì moi tim tao mà lấy”. Em Nguyễn Thị Chi, 15 tuổi, khi địch ập vào nhà thì cha mẹ đi vắng. Nhà em có giấu đồng chí Sáu Quân, Tỉnh ủy viên Bến Tre. Giặc tra khảo em Chi hồng

truy tìm hầm bí mật. Chịu đòn, chịu tra khảo em một mực không khai. Khi địch rút đi, em đã lết đến miệng hầm mở nắp hầm kéo đồng chí Sáu Quân lên...

Kết nạp đảng chưa được bao lâu, đầu năm 1960 tôi bị địch bắt bỏ nhà lao vì bị chỉ điểm. Chiều hôm đó tôi chuẩn bị có cuộc họp với đoàn thanh niên thì bất ngờ bị bọn bảo an ập vào nhà bắt đi. Tôi bị giải về nhà lao của huyện. Chúng điều tra, hỏi tới hỏi lui. Tôi chỉ một mực nói “Tôi không biết gì cả, tôi là người dân bình thường”. Chúng không có chứng cứ, không buộc tội được tôi. Sau 12 ngày, chúng thả tôi về. Thực tế, lần đó chúng cũng nghe chỉ điểm “bậy bạ” không có chứng cứ nên tôi mới được thả dễ dàng như thế, cũng chỉ bị tra tấn sơ sơ. Được thả về tôi nghĩ “có lẽ nó chưa biết, mình chưa bị lộ” nên còn giữ được phần hoạt động công khai. Sau lần bắt đó, chúng cũng để ý tôi hơn. Còn tôi tiếp tục hoạt động và giữ bí mật, cẩn trọng hơn. Lúc đó Mỹ - Diệm công khai đánh phá cơ sở của ta rất dữ dội, lên tới đỉnh điểm nhưng chúng tôi vẫn tích cực hoạt động. Chúng tôi lánh mặt chúng, trốn ở đâu cũng được, xuống đìa, xuống bờ cát nơi hẻo lánh ngủ, thấy dân báo không có càn quét gì thì dậy làm, còn nếu có thì trốn, cứ vậy hoạt động.

Tháng 5-1960, tôi bất ngờ bị bắt lần thứ hai. Lần này chúng bắt là “chính xác”. Bữa đó tôi cùng một số đồng chí trong Đoàn thanh niên xã Bình Hòa dưới danh nghĩa dạy học cho trẻ em trong vùng tại một trường học ở ấp Bình

Tiên, thực chất là tổ chức tuyên truyền chủ trương, đường lối cách mạng và lôi kéo thanh niên, trẻ em trong vùng. Bình thường, những buổi tuyên truyền như vậy được canh phòng rất cẩn mật, nhiều vòng, địch khó mà lọt vào, mà có vào cũng không phát hiện được gì. Thế nhưng chiều hôm ấy trời mưa rất to, số anh em làm nhiệm vụ cảnh giới có phần lơ là nên bọn bảo an ập vào bất ngờ. Chúng tôi không ai bỏ chạy, xem như không biết gì. Khám xét tôi cũng như mọi người có mặt tại đó chúng không phát hiện được gì. Thế nhưng, bất ngờ bọn chúng phát hiện ra trên người một đồng chí của tôi có thư liên lạc. Vậy là tất cả chúng tôi bị còng tay lập tức giải về nhà lao của huyện...

Tôi thầm nghĩ “lần này thì nghiêm trọng rồi đây”. Trên đường bị dẫn giải về, không có cảm giác sợ hãi hay đau đớn, cũng như lần bị bắt trước, tôi bắt đầu bằng việc nhớ lại tất cả những bài học về giữ gìn khí tiết và biện pháp đấu tranh với kẻ thù. Khi tham gia hoạt động cách mạng, đặc biệt là trong thời điểm cảm tình đảng và chuẩn bị kết nạp đảng, tôi được học rất nhiều về việc này. Tôi khắc sâu lời dạy của các anh, các chú:

- Đối với người cộng sản, khí tiết là phẩm hạnh quý giá nhất. Mất khí tiết là mất tất cả. Nếu cung khai, cho dù được thả ra cuộc đời cũng sẽ bị khép lại, không còn giá trị nữa, sẽ bị đồng chí, đồng bào loại ra khỏi cuộc sống của họ. .

Tôi cũng nhớ lời dặn dò của các anh, các chú:

- Nếu bị bắt, hãy kiên cường đấu tranh với địch. Có

người khai không có hại cho cách mạng nhưng càng khai càng bị tra tấn nhiều hơn. Bởi bọn chúng thấy tra tấn có thể khai ra thì chúng sẽ tra tấn cho đến cùng và không bao giờ cho rằng mình đã khai hết...

Những bài học hiện lên trong đầu tôi rõ mồn một. Rồi tôi nhớ tới lời dạy của cha, nhớ tới các anh cũng đang hoạt động cách mạng. Nếu chỉ khai một nửa lời, không chỉ mất khí tiết, phản bội lý tưởng của chính mình, mà còn đặt đồng chí, đồng đội, người thân của mình vào vòng nguy hiểm...

Về tới nhà lao của huyện, chúng tách biệt chúng tôi ra mỗi người một nơi. Sau khi hỏi tên tuổi, nơi ở của tôi xong, chúng hỏi đồng chí trên người có tài liệu là ai, tôi trả lời:

- Tui với ổng không quen biết. Tui dạy chữ cho mấy đứa nhỏ, ổng ghé trú mưa trong lớp học.

Chúng hỏi tới hỏi lui tôi vẫn trả lời vậy. Thế là chúng “chào đón” tôi bằng liên hồi gậy ma trắc vụt lên khắp người. Tôi thầm nghĩ, “cuộc chiến” của tôi với bọn chúng đã bắt đầu. Qua ngày hôm sau, hôm sau nữa, liên tục trong nhiều ngày, chúng vẫn hỏi tôi loanh quanh mấy câu hỏi cũ, như tôi là ai, đồng chí của tôi bị bắt có tài liệu trên người là ai, ai là cấp trên, cấp dưới, bí thư đảng ủy xã, bí thư huyện ủy là ai... Cứ một đợt hỏi cung như thế, chúng lại tra tấn mạnh hơn. Đánh vào người không ăn nhằm gì, gậy ma trắc vụt vào lòng bàn chân thốn lên tận

óc cũng không còn tác dụng. Không đứng lên được nữa, chúng cột hai cổ chân treo ngược tôi lên đánh. Máu dồn xuống đầu, hai con mắt như muốn nổ tung...

Tổ chức theo rất sát hoạt động của chúng tôi nên ngay khi bị bắt gia đình tôi đã biết. Khoảng 4 hôm sau, chúng cho người thân đến thăm. Vợ tôi đến nhà lao hỏi thăm. Tôi đã không đứng dậy, không đi được nữa. Chúng cho hai người kẹp hai bên xách tôi ra, hai chân kéo lê dưới mặt đất. Tôi chỉ nghe được loáng thoáng vợ động viên ráng cố gắng, rồi gia đình sẽ tìm cách lo cho tôi...

Chúng muốn đưa người thân ra để lung lạc ý chí của tôi. Nhưng chúng đã sai lầm. Người thân tiếp thêm sức mạnh cho tôi. Ở nhà lao của huyện không khai thác được, chúng ném tôi lên xe đưa về nhà lao của tỉnh với lời ghi trong hồ sơ “giáo viên Việt cộng”. Tiếp tục những lần hỏi cung và chúng dùng các cách tra tấn mới. Mỗi cách mới là một lần khốc liệt hơn. Chúng dùng cây banh miêng ra đổ nước xà bông vào, tôi có cảm giác như bị chìm xuống nước vậy. Rồi chúng chuyển sang chích điện, mỗi lần bị tra tấn theo cách này tôi như bị đánh cắp mất nhận thức và tinh thần... Nhưng mọi cách tra tấn đều không có kết quả đối với chúng. Cứ như thế, không khai thác được gì, sau mỗi đợt tra tấn, chúng lại khiêng tôi ném vô phòng giam như ném một cái xác. Lời khai của tôi không có gì mới và lời ghi trong hồ sơ cũng không có gì mới, vẫn chỉ là “giáo viên Việt cộng”.

Lúc đó, tất cả các đồng chí bị bắt giam một lượt với tôi đều giữ khí tiết như tôi. Riêng đồng chí bị bắt có tài liệu trên người, khai “tầm bậy” làm giao liên cho một người vợ không có thực. Sự kiên cường đấu tranh của chúng tôi đã chiến thắng. Khi vào nhà lao của tỉnh, tôi được các anh trong đó chỉ thêm nhiều cách đấu tranh với tra tấn khác nữa. Bài học cơ bản nhất và cũng quan trọng nhất là không khai gì cả, chấp nhận cho chúng tra tấn và luôn sẵn sàng đấu tranh với chúng qua những trận đòn quyết liệt. Khi vượt qua rồi, chúng sẽ không tra tấn nữa.

Trong nhà lao của tỉnh, tôi bị nhốt vào một dãy trại. Đây là nhà lao chúng dành cho những đối tượng “có máu mặt” ở Bến Tre. Lúc đó nhà lao mới làm đơn sơ, vách ngăn các phòng và các khu là lá chữ chưa có vách tường, nhưng chúng canh phòng rất cẩn mật. Tuy nhiên, canh thì canh chúng cũng không làm gì được anh em trong đó. Chúng tôi vẫn hoạt động bình thường. Hầu hết anh em trong nhà lao đều đã qua thử thách rất lớn, thế nên chúng cũng không khai thác được gì từ anh em tù nhân. Bến Tre là vùng đất có truyền thống, có phong trào đấu tranh rất mạnh mẽ. Vì thế, trong nhà lao, tôi cũng dễ tìm thấy tổ chức. Những vết thương của tôi cũng dần lành nhanh hơn. Mặc dù dễ tìm thấy tổ chức nhưng cái hay của tổ chức lại hoạt động rất chặt chẽ. Chỉ điểm khó lọt qua được trong nhà lao. Tôi chỉ nhận và trao đổi nhiệm vụ với duy nhất một đồng chí, hoặc nhóm những đồng chí đã biết nhau